TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:135/2023/DS-ST
Ngày: 25-9- 2023
"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH TÂY NINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hoàng;

Bà Nguyễn Thị Kim Linh.

Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Nguyên Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 201/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc:*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2023/QĐST- DS ngày 17 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Bà Bùi Kim V, sinh năm 1955;

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Nguyễn Ngọc Thanh M, sinh năm 1958;

N ơi cư trú: khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn:

- Ông Lâm Văn Ấ, sinh năm 1942; vắng mặt.

- Bà Lê Thị N, sinh năm 1958; vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: tổ E ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Kim V*, bà* Nguyễn Ngọc Thanh M *trình bày:*

Bà V và bà Ngọc M là bạn thân thiết nhau nên có cùng cho vợ chồng ông Ấ, bà N vay tiền nhiều lần như sau:

1- Ngày 08/11/2015 cho vay số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

2- Ngày 14/12/2015 cho vay số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng.

3- Ngày 29/7/2016 cho vay số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng.

Tổng cộng cho vay là 1.600.000.000 (Một tỷ sáu trăm triệu) đồng để gia đình ông Ấ, bà N làm vốn mua bán vật liệu xây dựng. Hai bên có thoả thuận miệng lãi suất là 1.5%/tháng. Sau khi vay thì có trả lãi hàng tháng, nhưng khoảng 03 năm nay thì có tháng trả lãi, có tháng không trả lãi. Sau đó, có trả gốc được 600.000.000 đồng, còn nợ gốc 1.000.000.000 đồng.

Bà V, bà M muốn thu hồi vốn vay nhiều lần thì ông Ấ, bà N hứa hẹn trả nhưng sau đó thì né tránh không trả tiền, không gặp mặt.

Trong số tiền cho vay 1.000.000.000 đồng, tiền của bà V cho vay 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng và tiền của bà Nguyễn Ngọc Thanh M cho vay 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng.

Nay bà V, bà M khởi kiện yêu cầu Toà án buộc ông Ấ, bà N trả cho bà Bùi Kim V số tiền vay gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu) đồng và trả cho bà Nguyễn Ngọc T M số tiền vay gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu) đồng, không yêu cầu trả lãi suất.

Đối với yêu cầu khởi kiện chị T1, bà V và bà M thay đổi yêu cầu khởi kiện không kiện chị T1.

Bị đơn ông Lâm Văn Ấ*, bà* Lê Thị N*:*

Ông Lâm Văn Ấ, bà Lê Thị N đã được Tòa án niêm yết công khai các văn bản Tố tụng để thông báo thời gian làm việc, phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa sơ thẩm nhưng ông Ấ, bà N vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến của ông Ấ, bà N.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự: Điều 147, 161, 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 của UBTVQH; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Ấ, bà N trả số tiền vay còn nợ 1.000.000.000 (một tỷ) đồng. Ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất. Các đương sự phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Ông Lâm Văn Ấ, bà Lê Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Ấ, bà N.

[2] Về nội dung: Giữa do bà V, bà M và ông Ấ, bà N có giao dịch vay tiền là có thật. Bà V, bà M cung cấp chứng cứ bản chính giấy mượn tiền do ông Ấ, bà N ký nhận nợ số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án do ông Ấ, bà N vắng mặt, không có ý kiến trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu để giám định chữ ký, chữ viết của ông Ấ, bà N trong giấy mượn tiền ngày 14-12-2015.

[3.1] Tại kết luận giám định số: 1080/KL- KTHS ngày 06-8-2023 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận:

- Chữ ký, chữ viết "Lâm Văn ẤN" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) với chữ ký, chữ viết "Lâm Văn ẤN" trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M03) là do cùng một người ký, viết ra;

- Chữ ký, chữ viết "lê thị nữ" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) với chữ ký, chữ viết "lê thị nữ" trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M01; M02) là do cùng một người ký, viết ra.

[3.2] Từ những chứng cứ nêu trên, đủ cơ sở buộc ông Lâm Văn Ấ, bà Lê Thị N cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà V, bà M mỗi người số tiền vay 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng. Ghi nhận bà V, bà M không yêu cầu tính lãi.

[4] Về chi phí giám định: Căn cứ Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông Lâm Văn Ấ và bà Lê Thị N phải chịu số tiền 2.820.000 (Hai triệu tám trăm hai mươi nghìn) đồng. Bà V, bà M đã nộp tạm ứng chi phí giám định nên ông Ấ, bà N có nghĩa vụ trả cho bà V, bà M số tiền 2.820.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do chấp nhận yêu cầu của bà V nên ông Ấ, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của số tiền phải trả là 500.000.000 đồng = {20.000.000 đồng + (100.000.000 x 4%) = 4.000.000 đồng} = 24.000.000 đồng.

- Do chấp nhận yêu cầu của bà M nên ông Ấ, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của số tiền phải trả là 500.000.000 đồng = {20.000.000 đồng + (100.000.000 x 4%)} = 4.000.000 đồng} = 24.000.000 đồng.

Tuy nhiên, ông Ấ, bà N thuộc diện người cao tuổi căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016, nên miễn án phí cho ông Ấ, bà N.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Kim V, bà Nguyễn Ngọc Thanh M đối với ông Lâm Văn Ấ và bà Lê Thị N về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

- Buộc ông Lâm Văn Ấ và bà Lê Thị N cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Bùi Kim V số tiền vay gốc 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng. Ghi nhận bà V không yêu cầu tính lãi.

- Buộc ông Lâm Văn Ấ và bà Lê Thị N cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Ngọc T M số tiền vay gốc 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng. Ghi nhận bà M không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả cho số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí giám định:

Ông Lâm Văn Ấ và bà Lê Thị N phải chịu số tiền 2.820.000 đồng nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh trả cho bà V, bà M.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lâm Văn Ấ và bà Lê Thị N được miễn án phí.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận
- Phòng NV- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND h.C, t.TN;
- Chi cục THA h Châu Thành, t.TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án (H1).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hương